

Bản án số: 142/2024/HC-PT
Ngày 18 tháng 3 năm 2024
*“V/v khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng;

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Nam;
Ông Nguyễn Phan Nam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Tùng, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Trọng Vĩnh, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 18 tháng 03 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 852/2023/TLPT-HC ngày 04 tháng 12 năm 2023 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”, do Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2023/HC-ST ngày 13 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2560/2024/QĐ-PT ngày 06 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện:

1. Ông Nguyễn Viết V, sinh năm 1970; có mặt.

2. Bà Phan Thị H, sinh năm 1949; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Ông Nguyễn Viết V; có mặt.

Đều trú tại: Thôn G, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Viết V: Ông Hà Mạnh H1, Luật sư Công ty L, Đoàn Luật sư thành phố H; có mặt.

- Người bị kiện: Chủ tịch UBND huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan K, chức vụ: Phó Chủ tịch; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. UBND xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Thanh H2, chức vụ: Phó Chủ tịch; có mặt.

2. Bà Đậu Thị H3, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn I, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

- **Người kháng cáo:** Người khởi kiện ông Nguyễn Viết V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ, bản án sơ thẩm và diễn biến tại phiên tòa, vụ án có nội dung tóm tắt như sau:

- *Người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:*

Ngày 04/1/2022 Chủ tịch Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện H ban hành Quyết định số 04/QĐ-XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Phan Thị H và ông Nguyễn Viết V do đã có hành vi lấn chiếm đất nông nghiệp (đất trồng cây lâu năm) diện tích 300m² của bà Đậu Thị H3 tại thôn G, xã H đã được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hương Khê thi hành cưỡng chế giao đất theo Bản án số 01/2012/HNGĐ ngày 19/03/2012 của Tòa án nhân dân huyện Hương Khê và buộc bà H, ông V khôi phục lại tính trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại đất lấn chiếm. Không đồng ý với quyết định này bà H, ông V đã làm đơn khiếu nại, ngày 24/02/2022 Chủ tịch UBND huyện H có Thông báo số 22TB-UBND về việc “thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu” và ngày 18/10/2022 bà H, ông V nhận được Quyết định số 4641/QĐ-UBND ngày 13/10/2022 của Chủ tịch UBND huyện H có nội dung không chấp nhận nội dung khiếu nại. Các nội dung trong các quyết định xử phạt và giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện H đều dựa trên những kết quả xác minh không đúng thực tế, tất cả các thông tin do UBND xã H, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hương Khê và bà H3 cung cấp cho Đ xác minh đều không đúng sự thật. Quyết định số 04/QĐ-XPVPHC và Quyết định số 4641/QĐ-UBND có nhiều sai phạm nghiêm trọng, trái pháp luật, không đúng thực tế, cụ thể: Vi phạm thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu: Ngày 14/2/2022 bà H, ông V có đơn khiếu nại quyết định xử phạt hành chính, ngày 24/02/2022 Chủ tịch UBND huyện H có Thông báo số 22/1B-UBND về việc “Thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu” nhưng đến ngày 13/10/2022 Chủ tịch UBND huyện H mới ban hành Quyết định số 4641/QĐ-UBND là vi phạm về thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu được quy định tại Luật Khiếu nại 2011. Nội dung trong Quyết định số 4641 là không đúng với bản chất sự việc; theo Bản án số 01/2012/DSST-HNGĐ ngày 19/03/2012 của Tòa án nhân dân huyện Hương Khê thì bà H3 được tạm giao 783m² đất (không xác định là loại đất gì) và bà H3 không yêu cầu chia phần đất sản xuất nông nghiệp do ông V, bà H đang quản lý sử dụng. Như vậy, Quyết định số 04/QĐ-XPVPHC và Quyết định số 4641/QĐ-UBND cho rằng ông V, bà H lấn chiếm 300m² đất nông nghiệp của bà

H3 là không chính xác và không đúng với nội dung của bản án đã tuyên và cũng theo bản án này thì trên phần đất tạm giao cho bà H3 còn có các tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của anh V, bà H gồm: 01 căn nhà mà hiện anh V, bà H hiện đang ở; chuồng bò, nền lán xi măng, nhà vệ sinh, máy bơm nước và tại phần quyết định của bản án ly hôn đã công nhận quyền sở hữu hợp pháp này, không tuyên buộc anh V, bà H phải phá dỡ, di chuyển. Do đó, nội dung Quyết định số 04/QĐ-XPVPHC và Quyết định số 4641/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện H kết luận ông V, bà H có hành vi lấn chiếm đất nông nghiệp của bà H3 là không đúng với nhận định và quyết định của bản án ly hôn. Ông V, bà H quản lý và sử dụng căn nhà trên cùng các tài sản được Tòa án giao liên tục từ trước đến nay chưa hề bán, giao cho bất kỳ cá nhân tổ chức nào và trong quá trình sử dụng đến trước ngày 15/12/2021 không hề bị chính quyền xã H lập biên bản vi phạm hành chính về việc lấn chiếm. Do đó, đến ngày 13/12/2021 UBND xã H mới lập biên bản vi phạm hành chính đối với ông V, bà H là không đúng với quy định của pháp luật, Quyết định số 04/QĐ-XPVPHC ban hành dựa trên biên bản này là trái pháp luật.

Quyết định số 04/QĐ-XPVPHC căn cứ điểm a khoản 2 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt hành chính trong lĩnh vực đất đai để buộc ông V, bà H mỗi người phải nộp phạt số tiền 4.000.0000 đồng (bốn triệu đồng) là không đúng. Ông V, bà H đã quản lý, sử dụng các tài sản trên phần đất mà bản án tạm giao cho bà H3 từ trước năm 2019 nên không thể áp dụng văn bản ban hành năm 2019 để xử phạt. Thời hiệu xử phạt tiền đã hết mà vẫn áp dụng là trái với quy định của pháp luật. Bà H là người cao tuổi và là người có công với Nhà nước nhưng không được xem xét là tình tiết giảm nhẹ khi áp dụng mức phạt là trái với quy định của pháp luật, đi ngược lại chính sách của Đảng, Nhà nước đối với người cao tuổi và người có công.

Trong quá trình thi hành Bản án số 01/2012/DSST-HNGĐ, chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hương Khê đã vu khống thời điểm hình thành căn nhà trên để tự ý cưỡng chế phá dỡ. Kế hoạch cưỡng chế số 02/KHTCCC-THA ngày 21/6/2013 có nội dung không đúng sự thật là “Ngôi nhà này do ông Nguyễn Viết V vừa mới tạo dựng vì có ý đồ chiếm đoạt đất của chị Đậu Thị H3 nên dựng nhà trái phép”. Tòa án nhân dân huyện Hương Khê có Văn bản số 26/2015/TA ngày 07/9/2015 gửi Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hương Khê để giải thích Bản án số 01/2012/HNGĐ ngày 19/3/2012 sau khi bản án đã có hiệu lực pháp luật và làm thay đổi bản chất vụ án là vi phạm nghiêm trọng quy định pháp luật.

Do đó, ông V và bà H khởi kiện yêu cầu:

+ Tuyên hủy toàn bộ nội dung của Quyết định xử phạt hành chính số 04/QĐ-XPVPHC ngày 04/01/2022 và Quyết định số 4641/QĐ-UBND ngày 13/10/2022 của Chủ tịch UBND huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

+ Buộc Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hương Khê phải bồi thường thiệt hại do đã lập bản Kế hoạch cưỡng chế số 02/KH/TCCCTHA ngày 21/6/2013 có nội dung vu khống cho ông V, bà H để từ đó tháo dỡ trái pháp luật ngôi nhà thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông V, bà H.

+ Buộc Tòa án nhân dân huyện Hương Khê phải liên đới bồi thường thiệt hại vì đã ban hành Văn bản số 26/2015/TA ngày 7/9/2015 gửi Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hương Khê để giải thích Bản án số 01/2021/HNGĐ sau khi bản án có hiệu lực làm thay đổi bản chất vụ án nhằm hợp thức hóa sai phạm của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hương Khê.

- *Người bị kiện Chủ tịch UBND huyện H, do người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Tại Bản án số 01/2012/DSST-HNGĐ ngày 19/3/2012 của Tòa án nhân dân huyện Hương Khê đã tuyên tạm giao cho bà Đậu Thị H3 được quyền sử dụng 783m² đất. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà H3 có đơn đề nghị thi hành án, Chi cục Thi hành án huyện Hương Khê đã ban hành Quyết định số 143/QĐ-CCTHA ngày 09/5/2012 thi hành án theo đơn yêu cầu. Tuy nhiên, quá trình thi hành án ông V không tự nguyện thi hành và có đơn gửi đến nhiều cơ quan chức năng; đến ngày 14/3/2014 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hương Khê đã ban hành Quyết định số 05/QĐ-CCTHA về cưỡng chế chuyển giao quyền sử dụng đất cho bà H3 và ban hành Kế hoạch số 134/KH-CCTHA ngày 14/3/2014 để tổ chức thực hiện cưỡng chế. Ngày 20/8/2014, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hương Khê đã tổ chức cưỡng chế thi hành Bản án số 01/2012/DSST-HNGĐ ngày 19/3/2012, bàn giao cho bà H3 783m² đất như bản án đã tuyên, các tài sản trên diện tích 783m² đã được tháo dỡ để bàn giao đất cho bà H3 theo quy định.

Sau khi Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hương Khê cưỡng chế bàn giao đất, ông V tiếp tục lấn chiếm đất trở lại và dựng nhà cho bà Phan Thị H (mẹ của ông V) sinh sống; đồng thời có đơn gửi nhiều cơ quan chức năng từ Trung ương đến địa phương. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên liên quan, UBND huyện H cần chờ kết quả giải quyết, trả lời của các cơ quan như: Tòa án nhân dân tối cao, Tổng cục Thi hành án dân sự để xử lý vụ việc đảm bảo quy định của pháp luật. Sau khi có kết quả trả lời của các cơ quan liên quan, UBND huyện đã chỉ đạo UBND xã H tiếp tục tiến hành xử lý theo quy định nhưng ông V có hành vi cản trở, gây khó khăn trong quá trình xử lý vi phạm hành chính.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định số 04/QĐ-XPVPHC ngày 04/01/2022 về xử phạt vi phạm hành chính đối với ông V, bà H mỗi người 4.000.000 đồng là đảm bảo đúng quy định. Vì theo Bản án số 01/2012/DSST-HNGĐ ngày 19/3/2012 thì diện tích 2.349m² do ông V,

bà H3, bà H cải tạo, mở rộng bên cạnh diện tích nhận chuyển nhượng của ông T, bà V1 từ năm 1992 nên không đủ điều kiện để được Nhà nước công nhận đất ở. Mặt khác, thửa đất của bà H3 được Tòa án phân chia theo bản án là đất trồng cây lâu năm theo hiện trạng sử dụng. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Luật Đất đai 2013, đất trồng cây lâu năm thuộc nhóm đất nông nghiệp. Do đó, việc UBND xã H lập biên bản vi phạm hành chính với hành vi lấn chiếm đất nông nghiệp là có căn cứ.

Ông V, bà H4 đã quản lý, sử dụng các tài sản trên đất mà Bản án số 01/2012/DSST-HNGĐ ngày 19/3/2012 đã tạm giao cho bà H3 từ trước 2019 nhưng hành vi lấn, chiếm đất của ông V, bà H đang diễn ra và chưa kết thúc tại thời điểm bị lập biên bản vi phạm hành chính ngày 03/12/2021, do đó việc áp dụng Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 là đúng với quy định tại Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015, không thuộc trường hợp được quy định tại Điều 42 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019. Đối với mức phạt tiền, do ông V, bà H không có tính tiết kiệm, giảm nhẹ nên bị xử phạt mỗi người 4.000.000 đồng là đúng với nguyên tắc xác định mức tiền phạt được quy định tại khoản 4 Điều 23 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Về thời hiệu xử phạt: Hành vi vi phạm hành chính của ông V, bà H đã bị UBND xã H phát hiện nhưng quá trình làm việc ông V, bà H có hành vi cản trở việc xử phạt của cơ quan, người có thẩm quyền, do đó thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính được tính lại kể từ thời điểm ông V, bà H chấm dứt hành vi trốn tránh, cản trở việc xử phạt là ngày 09/3/2021 (có biên bản do UBND xã H lập thể hiện ông V, bà H có hành vi cản trở như giăng xé, cướp thước và làm đứt thước dây dài 30m, vị trí đứt tại 14,1m, UBND xã H đã vận động, giải thích nhưng ông V, bà H không chấp hành, không cho các lực lượng làm nhiệm vụ). Như vậy, theo quy định của pháp luật thì thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính đối với ông V, bà H vẫn còn; do đó UBND xã H lập biên bản vi phạm hành chính và đề nghị Chủ tịch UBND huyện ban hành quyết định xử phạt, áp dụng hình thức xử phạt tiền là đảm bảo quy định.

Về áp dụng tình tiết giảm nhẹ đối với bà Phan Thị H: Theo quy định tại Điều 9 Luật Xử lý vi phạm hành chính thì người có công không thuộc trường hợp được xem xét là tình tiết giảm nhẹ. Quá trình xử lý vụ việc, bà H không hợp tác, không trình bày ý kiến và không ký vào biên bản vi phạm hành chính, UBND xã H cũng không đề xuất cho hưởng tình tiết giảm nhẹ đối với bà H. Mặt khác, quá trình xử lý bà H có hành vi cản trở việc xử lý của cơ quan chức năng, có dấu hiệu xem xét tình tiết tăng nặng (lãng mạ, phi báng người thi hành công vụ; tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm hành chính mặc dù người có thẩm quyền đã yêu cầu chấm dứt hành vi đó) nên không có cơ sở để xem xét tình tiết giảm nhẹ.

Yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Viết V và bà Phan Thị H là không có căn

cứ nên đề nghị bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông V, bà H.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã H do người đại diện trình bày:*

Theo Bản án số 01/2012/DSST-HNGĐ ngày 19/3/2012 của Tòa án nhân dân huyện Hương Khê thì diện tích 2.349m² do ông V, bà H3, bà H cải tạo, mở rộng bên cạnh diện tích nhận chuyển nhượng của ông T, bà V1 từ năm 1992 nên không đủ điều kiện để được Nhà nước công nhận đất ở. Mặt khác, thửa đất của bà H3 được Tòa án phân chia theo bản án là đất trồng cây lâu năm theo hiện trạng sử dụng. Sau khi Bản án số 01/2012/DSST-HNGĐ ngày 19/3/2012 có hiệu lực pháp luật, UBND xã H đã phối hợp với các đơn vị liên quan để thi hành án nhưng ông V không tự nguyện chấp hành và nhiều lần chống đối, lấn chiếm đất trở lại, dựng nhà cho bà Hợi (mẹ của ông V) sinh sống. UBND xã đã tổ chức làm việc, vận động nhiều lần nhưng ông V không đồng tình; UBND xã đã báo cáo và xin ý kiến chỉ đạo của UBND huyện để xử lý theo quy định nhưng ông V có hành vi cản trở, gây khó khăn trong quá trình xử lý vi phạm hành chính. Ngày 13/12/2021 UBND xã đã lập Biên bản vi phạm hành chính số 01/BB-VPHC về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Nguyễn Viết V và bà Phan Thị H đã có hành vi lấn chiếm 300m² đất trồng cây lâu năm của bà Đậu Thị H3. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Luật Đất đai 2013, đất trồng cây lâu năm thuộc nhóm đất nông nghiệp. Do đó, UBND xã H lập biên bản vi phạm hành chính với hành vi lấn chiếm đất nông nghiệp là có căn cứ. Đề nghị toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông V, bà H.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đậu Thị H3 trình bày:*

Năm 1995 bà và ông V kết hôn với nhau, có mua của bà V1 1.000m² đất vườn ở, vợ chồng khai hoang thêm 2.349m². Năm 2001 vợ chồng chuyển nhượng cho chị N, anh S 1.000m² đất vườn mua của bà V1. Năm 2007 vợ chồng ly hôn, tại Bản án số 01/2012/DSST-HNGĐ ngày 19/3/2012 của Tòa án nhân dân huyện Hương Khê đã tuyên giao cho bà được quyền sử dụng 783m² đất vườn tại xóm G, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, đất có tứ cận: Phía Bắc giáp vườn anh V dài 54m (đã trừ 12m hành lang đường mòn Hồ Chí Minh); phía Nam giáp vườn chị N, anh S dài 54m (đã trừ hành lang đường M); phía Đông giáp hành lang đường mòn Hồ Chí Minh dài 14m; phía Tây giáp vườn bà T1 dài 14m. Thửa đất giao cho bà đã được cơ quan thi hành án cưỡng chế bàn giao nhưng hiện nay bà H, ông V chiếm dụng. Đề nghị Tòa án giải quyết bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà.

- *Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2023/HC-ST ngày 13 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã quyết định:*

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính. Căn cứ các Điều 23, 28, khoản 2 Điều 38, các Điều 57, 58, 66, 67, 68 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 sửa đổi bổ sung năm 2020; Luật Khiếu nại; Nghị định 124/2020/NĐ-CP

ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại; Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; khoản 6 Điều 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương, xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Viết V, bà Phan Thị H về việc đề nghị hủy toàn bộ nội dung của Quyết định xử phạt hành chính số 04/QĐ-XPVPHC ngày 04/01/2022 và Quyết định giải quyết khiếu nại số 4641/QĐ-UBND ngày 13/10/2022 của Chủ tịch UBND huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 01/8/2023, người khởi kiện ông Nguyễn Viết V có đơn kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện và sửa bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người khởi kiện ông Nguyễn Viết V giữ nguyên đơn kháng cáo.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày:

Chủ tịch UBND huyện H vi phạm thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu theo quy định tại Điều 28 Luật Khiếu nại 2011; thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính đã hết theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Luật Xử lý vi phạm hành chính sửa đổi năm 2020 và Điều 4 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP. Trong trường hợp này nếu xác định nội dung biên bản làm việc ngày 09/3/2021 của UBND xã H là đúng thì Chủ tịch UBND huyện H chỉ được áp dụng khoản 2 Điều 65 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, sửa đổi bổ sung năm 2020 để ban hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả được quy định tại Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính. Đối với diện tích lấn chiếm 300m² hay 783m² UBND xã H và UBND huyện H chưa làm rõ và trong Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 04/QĐ-XPVPHC ngày 04/01/2022 và Quyết định số 4641/QĐ-UBND ngày 13/10/2022 về giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND huyện H, tỉnh Hà Tĩnh cũng chưa làm rõ. Về mục đích sử dụng của thửa đất chưa có văn bản hay quyết định nào của cơ quan có thẩm quyền xác định phần đất mà cho rằng anh V, bà H lấn chiếm không đủ điều kiện để công nhận đất ở nên Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 04/QĐ-XPVPHC ngày 04/01/2022 của Chủ tịch UBND huyện H căn cứ điểm a khoản 1 Điều 14 Nghị định số 91/2010-NĐ-CP để xử phạt anh V, bà H mỗi người 4.000.000 đồng là không đúng. Căn cứ khoản 2 Điều 7 Luật Tổ tụng hành chính đề nghị tách yêu cầu bồi thường thiệt hại trong đơn khởi kiện của anh V, bà H để giải quyết sau bằng một vụ án khác.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông V, hủy các Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 04/QĐ-XPVPHC ngày 04/01/2022, Quyết định giải quyết khiếu nại số 4641/QĐ-UBND ngày 13/10/2022 của Chủ tịch UBND huyện H, tỉnh Hà Tĩnh và sửa bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm:

+ Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Viết V làm trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm nên đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

+ Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và trình bày của các bên đương sự xét thấy bản án sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Nguyễn Viết V là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, bác kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Viết V, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2023/HCST ngày 13/10/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ được thẩm tra công khai tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Viết V là trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên được chấp nhận hợp lệ để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa còn vắng mặt bà Phan Thị H và bà Đậu Thị H3 nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần 02, trong đó bà H đã uỷ quyền cho ông Nguyễn Viết V tham gia phiên tòa; những người khác đã có mặt tại phiên tòa đầy đủ nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

[1.3] Ngày 27/10/2022, ông Nguyễn Viết V và bà Phan Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 04/QĐ-XPVPHC ngày 04/01/2022 và Quyết định giải quyết khiếu nại số 4641/QĐ-UBND ngày 13/10/2022 của Chủ tịch UBND huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Do đó, bản án sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện, thời hiệu, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh là đúng theo quy định tại Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[1.4] Đối với yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hương Khê phải bồi thường thiệt hại do đã lập bản Kế hoạch cưỡng chế số 02/KH/TCCTHA ngày 21/6/2013 và yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hương Khê phải liên đới bồi thường thiệt hại vì đã ban hành Văn bản số 26/2015/TA ngày 7/9/2025 gửi Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hương Khê để giải thích Bản án số 01/2021/HNGĐ-ST ngày 19/3/2012 không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân nên bản án sơ thẩm không xem xét, giải quyết, không tách ra theo yêu cầu của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện là đúng theo quy định tại Điều 7,

Điều 30 Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Về nội dung; xét kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Viết V, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về thẩm quyền, trình tự thủ tục, hình thức ban hành các quyết định bị kiện và thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính:

[2.1.1] Về thẩm quyền: Căn cứ Quyết định số 9542/QĐ-UBND ngày 02/8/2021 của Chủ tịch UBND huyện H về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính và Giấy ủy quyền số 1814/UBND-TP ngày 20/9/2022 của Chủ tịch UBND huyện H thì việc Phó Chủ tịch UBND huyện H ban hành Quyết định xử phạt hành chính số 04/QĐ-XPHC ngày 04/01/2022 và Quyết định giải quyết khiếu nại số 4641/QĐ-UBND ngày 13/10/2022 là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, sửa đổi bổ sung năm 2020; khoản 1 Điều 18 Luật Khiếu nại; khoản 6 Điều 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

[2.1.2] Về trình tự thủ tục ban hành: Ngày 13/12/2021, UBND xã H đã lập Biên bản vi phạm hành chính số 01/BB-VPHC trong lĩnh vực quản lý đất đai đối với ông Nguyễn Viết V và bà Phan Thị H vì đã có hành vi lấn chiếm 300m² đất trồng cây lâu năm của bà Đậu Thị H3. Ngày 28/12/2022, UBND xã H có Tờ trình số 184/TTr-UBND đề nghị UBND huyện H ban hành quyết định xử phạt hành chính đối với ông V, bà H. Ngày 04/01/2022, Chủ tịch UBND huyện H ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 04/QĐ-XPVPHC đối với ông V, bà H là đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại các Điều 57, 58, 66, 67, 68 Luật Xử lý vi phạm hành chính. Ngày 14/01/2022 ông V, bà H có đơn khiếu nại đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính nêu trên nên ngày 28/2/2022 Chủ tịch UBND huyện H ban hành Quyết định số 767/QĐ-UBND về việc xác minh khiếu nại, thành lập đoàn xác minh khiếu nại. Đoàn xác minh đã có Báo cáo số 01/BC-ĐXM ngày 30/9/2022 về báo cáo kết quả kiểm tra, xác minh đơn khiếu nại của ông V2, bà H. Căn cứ kết quả xác minh nội dung khiếu nại, kết quả đối thoại, Chủ tịch UBND huyện H ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 4641/QĐ-UBND ngày 13/10/2022 là đúng trình tự, thủ tục quy định tại Chương IV Luật Khiếu nại và Chương IV Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại. Theo quy định tại Điều 28 Luật Khiếu nại thì Chủ tịch UBND huyện H đã vi phạm về thời hạn giải quyết khiếu nại, tuy nhiên việc chậm giải quyết khiếu nại là thủ tục hành chính, không ảnh hưởng đến nội dung giải quyết khiếu nại. Bản án sơ thẩm kiến nghị Chủ tịch UBND huyện H rút kinh nghiệm là phù hợp.

[2.1.3] Về thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính: Thời hiệu xử phạt trong lĩnh vực đất đai được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Luật Xử lý vi phạm hành chính, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính; khoản 1 Điều

4 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 là 02 năm. Ngày 09/3/2021 UBND xã H tiến hành kiểm tra hiện trạng thửa đất nhưng ông V, bà H có hành vi cản trở, do đó căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 và khoản 5 Điều 4 Nghị định 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 thì thời hiệu được tính kể từ thời điểm của người có thẩm quyền thi hành công vụ phát hiện hành vi vi phạm, ông V, bà H có hành vi cản trở nên thời hiệu tính lại kể từ thời điểm chấm dứt hành vi trốn tránh, cản trở việc xử phạt. Do đó, thời hạn xử phạt vi phạm hành chính đối với ông V, bà H được tính từ ngày 09/3/2021.

[2.1.4] Về hình thức: Quyết định số 04/QĐ-XPVPHC ngày 04/01/2022 và Quyết định giải quyết khiếu nại số 4641/QĐ-UBND ngày 13/10/2022 của Chủ tịch UBND huyện H được ban hành đúng biểu mẫu ban hành kèm theo Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ) và Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại.

[2.2] Về nội dung các quyết định bị kiện:

[2.2.1] Theo Bản án số 01/2012/DSST-HNGĐ ngày 19/3/2012 của Tòa án nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh thì bà Đậu Thị H3 được tạm giao quyền sử dụng 783m² đất tại xóm G, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; có tứ cận: Phía Bắc giáp phần đất của bà H, anh V dài 54m (đã trừ 12m hành lang đường mòn Hồ Chí M); phía Nam giáp vườn chị N, anh S dài 54m (đã trừ hành lang đường M); phía Đông giáp hành lang đường mòn Hồ Chí Minh dài 14m; phía Tây giáp vườn bà T2 dài 14m. Ngày 05/02/2012 bà H3 có đơn yêu cầu thi hành án, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hương Khê đã ban hành Quyết định thi hành án số 143/QĐ-CCTHA. Do ông V không tự nguyện thi hành và có đơn gửi đến nhiều cơ quan chức năng; đến ngày 14/3/2014 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hương Khê đã ban hành Quyết định số 05/QĐ-CCTHA về cưỡng chế chuyển giao quyền sử dụng đất cho bà H3 và ban hành Kế hoạch số 134/KH-CCTHA ngày 14/3/2014 để tổ chức thực hiện cưỡng chế. Ngày 20/8/2014, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hương Khê đã tổ chức cưỡng chế thi hành bàn giao cho bà H3 783m²; đối với các tài sản trên đất đã được tháo dỡ, bàn giao cho ông V, bà H theo đúng quyết định của Bản án số 01/2012/DSST-HNGĐ ngày 19/3/2012 của Tòa án nhân dân huyện Hương Khê.

[2.2.2] Ông V trình bày cho rằng Bản án số 01/2012/DSST-HNGĐ ngày 19/3/2012 của Tòa án nhân dân huyện Hương Khê ban hành trái pháp luật, nguồn gốc thửa đất là của bà Phan Thị H; bà H và ông V có đơn khiếu nại và đã được Tòa án nhân dân tối cao trả lời tại Văn bản số 559/TB-TANDTC-TLĐ, ngày 10/3/2015 thông báo giải quyết đơn của bà H, ông V với nội dung không có căn cứ để kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án nêu trên.

[2.2.3] Ông V trình bày cho rằng theo Bản án số 01/2012/DSST-HNGĐ ngày 19/03/2012 của Tòa án nhân dân huyện Hương Khê thì trên phần đất tạm giao cho bà H3 còn có các tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông V, bà H gồm: 01 căn nhà mà hiện ông V, bà H hiện đang ở; chuồng bỏ, nền lán xi măng, nhà vệ sinh, máy bơm nước. Tuy nhiên, những tài sản này đã được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hương Khê tiến hành cưỡng chế, tháo dỡ và bàn giao cho ông V, bà H đúng pháp luật (có Biên bản cưỡng chế giao tài sản BL số 122-131). Tại Biên bản làm việc ngày 06/5/2021 do UBND xã H lập, ông V và bà H thừa nhận ngôi nhà hiện tại bà H đang ở trước đây cơ quan thi hành án đã phá dỡ một lần, sau đó gia đình tiếp tục tôn tạo, sửa chữa, xây dựng để ở, ngôi nhà này thuộc quyền sở hữu của bà H. Công trình chăn nuôi cơ quan thi hành án đã phá dỡ, sau đó gia đình tôn tạo, nâng cấp, xây dựng, tiếp tục chăn nuôi, tài sản này thuộc quyền sử dụng chung của bà H và ông V. Cây ăn quả và hệ thống hàng rào do bà H trồng và xây dựng, các tài sản trên đất đã bị cơ quan thi hành án phá dỡ, tài sản hiện tại gồm nhà gỗ 02 gian, tường xây, 01 chuồng trại chăn nuôi cột bê tông, lợp Prô xi măng, một số cây cối lâu năm do gia đình ông V trồng và chăm sóc. Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ hiện trạng thửa đất ngày 29/8/2023 của Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện thì các tài sản theo Bản án số 01/2012/DSST-HNGĐ ngày 19/3/2012 của Tòa án nhân dân huyện Hương Khê đã bị cưỡng chế phá dỡ hết. Ranh giới thửa đất hiện nay so với thẩm định năm 2009 theo bản án không có gì thay đổi. Do đó, trình bày của ông V cho rằng trên đất giao cho bà H3 còn có tài sản của ông V, bà H là không có cơ sở chấp nhận.

[2.2.4] Ngày 09/3/2021 UBND xã H tiến hành làm việc với ông Nguyễn Viết V, bà Phan Thị H, bà Đậu Thị H3 để kiểm tra hiện trạng thửa đất giao cho bà H3 theo Bản án số 01/2012/DSST-HNGĐ ngày 19/3/2012 của Tòa án nhân dân huyện Hương Khê. Ông V, bà H đã có hành vi cản trở quá trình kiểm tra hiện trạng thửa đất như cướp thước, giằng xé làm đứt thước dây (BL 90-91). Hành vi của ông V, bà H thuộc trường hợp bị nghiêm cấm theo quy định tại Điều 12 Luật Đất đai năm 2013. Do ông V, bà H tiếp tục có hành vi vi phạm hành chính nên ngày 13/12/2021 UBND xã H đã lập Biên bản số 01/BB-VPHC về việc vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông V và bà H vì đã có hành vi lấn chiếm 300m² đất trồng cây lâu năm (ông V, bà H đã có hành vi xây dựng nhà ở, công trình chăn nuôi, trồng cây lâu năm, trồng hàng rào thép gai) trên thửa đất của bà H3.

[2.2.5] Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số 01/BB-VPHC ngày 13/12/2022 của UBND xã H và quy định pháp luật có liên quan; Chủ tịch UBND huyện H ban hành Quyết định số 04/QĐXPHC ngày 04/01/2022 xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Viết V, bà Phan Thị H vì đã có hành vi lấn, chiếm đất nông nghiệp (đất trồng cây lâu năm) với diện tích 300m² đất của bà H3 đã được cưỡng chế bản

giao theo Bản án số án 01/2012/DSST-HNGĐ ngày 19/3/2012 của Tòa án nhân dân huyện Hương Khê, hình thức xử phạt chính là phạt tiền mỗi người 4.000.000 đồng, biện pháp khắc phục hậu quả buộc ông V, bà H khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại đất đã lấn, chiếm là đúng pháp luật.

[2.2.6] Theo Bản án số 01/2012/DSST-HNGĐ ngày 19/3/2012 thì diện tích 2.349m² do ông V, bà H3, bà H cải tạo, mở rộng bên cạnh diện tích nhận chuyển nhượng của ông T, bà V1 từ năm 1992 nên không đủ điều kiện để được Nhà nước công nhận đất ở. Mặt khác, thửa đất của bà Đậu Thị H3 được Tòa án phân chia theo bản án là đất trồng cây lâu năm theo hiện trạng sử dụng. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 10 Luật Đất đai năm 2013 thì đất trồng cây lâu năm thuộc nhóm đất nông nghiệp. Do đó, Quyết định số 04/QĐ-XPVPHC ngày 04/01/2022 của Chủ tịch UBND huyện H xử phạt ông V, bà H có hành vi lấn, chiếm 300m² đất nông nghiệp của bà H3 là có căn cứ pháp luật.

[2.2.7] Theo quy định tại Điều 9 Luật Xử lý vi phạm hành chính, người có công không thuộc trường hợp được xem xét là tình tiết giảm nhẹ nên Quyết định số 04/QĐ-XPVPHC ngày 04/01/2022 của Chủ tịch UBND huyện H không áp dụng các tình tiết giảm nhẹ đối với bà H là đúng pháp luật.

[2.2.8] Theo Biên bản vi phạm hành chính số 01/BB-VPHC ngày 03/12/2021 của UBND xã H thì diện tích đất ông V, bà H lấn, chiếm 300m² đất của bà H3 (theo bản án là đất trồng cây lâu năm theo hiện trạng) và đã quản lý, sử dụng các tài sản trên đất từ trước năm 2019, tuy nhiên hành vi lấn chiếm đất của ông V, bà H diễn ra và chưa kết thúc tại thời điểm bị lập Biên bản vi phạm hành chính ngày 03/12/2021. Do đó, Chủ tịch UBND huyện H áp dụng Nghị định 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai là đúng với quy định tại Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Ông V, bà H không có các tính tiết giảm nhẹ, tăng nặng; do đó Chủ tịch UBND huyện H phạt tiền mỗi người 4.000.000 đồng là có căn cứ, đúng nguyên tắc xác định mức tiền phạt quy định tại điểm a khoản 2 Điều 23 Luật Xử lý vi phạm hành chính và Điều 6, điểm a khoản 2 Điều 14 Nghị định 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định quy cách về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

[3] Như vậy, Quyết định xử phạt hành chính số 04/QĐ-XPVC ngày 04/01/2022 và Quyết định giải quyết khiếu nại số 4641/QĐ-UBND ngày 13/10/2022 của Chủ tịch UBND huyện H được ban hành là đúng trình tự thủ tục, thẩm quyền, thời hiệu, hình thức; áp dụng đúng các quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong việc quản lý đất đai; giải quyết đúng nội dung khiếu nại theo quy định của pháp luật; đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự có liên quan trong vụ án. Do đó, bản án sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Viết V và bà Phan Thị H là có căn cứ pháp luật.

[4] Với những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Viết V; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[5] Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Viết V phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

1. Bác toàn bộ kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Viết V; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2023/HC-ST ngày 13 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Viết V phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm; được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000681 ngày 25/10/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HSVA, VP, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Dũng